

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2023
V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phẩm

2. Bà Bùi Thị Hảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông H Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 152/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977;

HKTT: Tổ 7, phường GC, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ;

Hiện ở: Xóm NS, xã AT, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1975;

HKTT: Tổ 7, phường GC, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ;

Hiện đang ở Đài Loan. Không có địa chỉ cụ thể.

(Chị T và anh S đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 29/11/2022 của chị Nguyễn Thị T, bản tự khai ngày 26/4/2023 của anh Nguyễn Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn S đăng ký kết hôn ngày 29/6/2012 tại Ủy ban nhân dân phường GC, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Chị Nguyễn Thị T nhận thấy tình cảm

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn S. Anh Nguyễn Văn S nhất trí với đề nghị của chị T, đề nghị Tòa án cho anh chị ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 10/10/2012. Hiện cháu đang ở với chị T. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu Nguyễn Huy H cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu thành niên. Chị T không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn S đều trình bày không có tài sản chung, công nợ, công sức chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị về quan hệ hôn nhân xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 10/10/2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên. Anh Nguyễn Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh S có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Xác định không có và không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Xác nhận chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xin ly hôn với Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1975; HKTT: Tổ 7, phường GC, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ. Chị T trình bày hiện anh S đang sống và làm việc tại Đài Loan, nhưng chị không biết địa chỉ. Tại văn bản số 23650/QLXNC-P5 ngày 04/11/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận anh Nguyễn Văn S đã xuất cảnh ngày 30/8/2022 và chưa nhập cảnh trở lại Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị T nộp cho Tòa án bản tự khai ngày 26/4/2023 và văn bản trình bày ý kiến ngày 26/4/2023 của anh Nguyễn Văn S. Theo đề nghị của chị T, Tòa án đã trưng cầu giám định. Tại kết luận giám định số 1009/KLGĐ ngày 01/8/2023 của phòng Kỹ thuật hình sự -

Công an tỉnh Phú Thọ kết luận dấu vân tay in trên các tài liệu trên so với dấu vân tay được in trên tờ khai chứng minh nhân dân của anh Nguyễn Văn S là do cùng một người in ra, vì vậy bản tự khai và văn bản trình bày ý kiến của anh Nguyễn Văn S là hợp pháp được chấp nhận.

Quá trình giải quyết, chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn S đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định. Anh Nguyễn Văn S ủy quyền cho chị T nhận thay anh các văn bản Tố tụng được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn S đăng ký kết hôn ngày 29/6/2012 tại Ủy ban nhân dân phường GC, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Đến nay, chị Nguyễn Thị T nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn S. Quá trình giải quyết, hai anh chị đều thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống. Trên thực tế anh S đang ở nước ngoài, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, bản thân chị T là vợ nhưng cũng không được biết địa chỉ của anh S. Theo đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn S đã trầm trọng, đời sống chung trên thực tế không tồn tại, tình cảm vợ chồng không còn, theo trình bày của anh S gửi về do chị T nộp anh Nguyễn Văn S cũng đồng ý ly hôn. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn S. Việc thống nhất thuận tình ly hôn của hai anh chị là tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn S xác định anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 10/10/2012. Hiện cháu đang ở với chị T. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu Nguyễn Huy H cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu thành niên.

Trong đơn trình bày nguyện vọng ngày 29/11/2022 của cháu Nguyễn Huy H (có xác nhận của UBND xã AT, huyện YT, tỉnh Bắc Giang) thể hiện khi bố mẹ ly hôn, nguyện vọng cháu được ở với mẹ.

Xét đề nghị của anh S chị T và nguyện vọng của cháu H là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T tự nguyện không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung nên được ghi nhận,

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung,: Anh chị xác nhận không có nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết cần được xác nhận.

Về công sức: Chị T không đề nghị, cần được xác nhận.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí giám định theo quy định của pháp luật, cần được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn S thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 10/10/2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên. Anh Nguyễn Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T, do chị T không yêu cầu. Anh S có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Xác nhận Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn S thống nhất không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về công sức đóng góp: Xác nhận Chị Nguyễn Thị T không đề Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 150.000đ (*Bằng chữ: một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000099 ngày 17/11/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ (do anh Lê Duy H Đăng nộp thay), trả lại chị T 150.000đ (*Bằng chữ: một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án.

Về chi phí tố tụng: Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã tự nguyện nộp 3.000.000 đồng (*Bằng chữ: ba triệu đồng*) tiền chi phí giám định theo biên nhận thu tiền ngày 02/8/2023 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ.

Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, anh Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND phường GC;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị T Hương